

Số: 711 /TB-ĐHNH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 7 năm 2022

THÔNG BÁO

V/v công nhận kết quả kỳ thi tiếng Anh giữa khóa
hệ Đại học chính quy Chất lượng cao Khóa 8 năm học 2021-2022

Căn cứ kết quả thi tiếng Anh giữa khóa hệ Đại học chính quy Chất lượng cao Khóa 8, năm học 2021-2022, Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh thông báo:

- Công nhận kết quả thi tiếng Anh giữa khóa cho 333 sinh viên Khóa 8 của Hệ Đại học chính quy Chất lượng cao, năm học 2021-2022.
- Kết quả thi là cơ sở để sinh viên được xét điều kiện đăng ký các học phần chuyên ngành theo Chương trình đào tạo của hệ Chất lượng cao.
- Sinh viên vắng thi có nghĩa vụ phải nộp chứng chỉ Tiếng Anh theo quy định của Chương trình đào tạo hệ Chất lượng cao, đảm bảo đúng tiến độ học tập chuyên ngành theo yêu cầu của Nhà trường. Việc nộp chứng chỉ thực hiện theo thông báo của Phòng Đào tạo.
- Nhà trường không bảo lưu kết quả điểm theo từng kỹ năng.
- Sinh viên xem kết quả thi theo danh sách đính kèm.
- Sinh viên có nhu cầu phúc khảo, liên hệ và nộp đơn tại Phòng KT&ĐBCL từ ngày ra thông báo đến hết ngày 15/07/2022.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị liên quan;
- Sinh viên;
- Lưu: P.KT&ĐBCL, VP.

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG KT&ĐBCL
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Ông Văn Năm

BẢNG ĐIỂM THI TIẾNG ANH GIỮA KHÓA HỆ CLC KHÓA 8 NĂM 2021-2022
KỸ NĂNG NÓI, NGHE, ĐỌC, VIẾT

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	NÓI	NGHE	ĐỌC	VIẾT	TỔNG (quy đổi theo IELTS)
1	030136200043	Phạm Hồng Ân	22/05/2002	HQ8-GE05	4.5	3.5	8	4.5	5.0
2	050608200220	Mai An	07/01/2002	HQ8-GE09	3.5	3.5	4	3	3.5
3	050608200221	Nguyễn Lâm Ngọc An	28/03/2002	HQ8-GE16	V	V	V	V	V
4	050608200223	Trương Hoài An	15/06/2002	HQ8-GE02	V	V	V	V	V
5	050608200002	Vũ Nguyễn Đình Ân	13/02/2002	HQ8-GE04	3.5	3	4.5	5.5	4.0
6	050608200004	Huỳnh Lan Anh	25/10/2002	HQ8-GE19	3.5	3	4.5	4	4.0
7	050608200005	Lê Hồ Lan Anh	11/03/2002	HQ8-GE15	V	V	V	V	V
8	050608200007	Mai Thị Vân Anh	07/12/2002	HQ8-GE10	V	V	V	V	V
9	050608200010	Nguyễn Ngọc Minh Anh	28/05/2002	HQ8-GE05	V	V	V	V	V
10	050608200011	Nguyễn Thị Anh	02/02/2002	HQ8-GE11	3	3.5	5	2.5	3.5
11	050608200013	Nguyễn Tuấn Anh	03/02/2002	HQ8-GE14	V	3	4	1	2.0
12	050608200015	Phạm Nguyễn Thùy Anh	10/11/2002	HQ8-GE19	2	2.5	4.5	3	3.0
13	050608200019	Trịnh Lê Tuyết Anh	20/12/2002	HQ8-GE20	4.5	4.5	5.5	6	5.0
14	050608200020	Trương Nguyễn Lan Anh	18/11/2002	HQ8-GE20	2.5	3.5	5	5	4.0
15	050608200021	Võ Thị Lan Anh	14/10/2002	HQ8-GE19	5	4	5.5	5	5.0
16	050608200226	Đường Thị Huệ Anh	07/06/2001	HQ8-GE14	3.5	3	4.5	5.5	4.0
17	050608200231	Nguyễn Duyên Anh	25/10/2002	HQ8-GE08	5	4	8	4.5	5.5
18	050608200233	Nguyễn Huy Quang Anh	29/08/2002	HQ8-GE12	4.5	3.5	7.5	5	5.0
19	050608200237	Nguyễn Thị Lan Anh	05/12/2002	HQ8-GE10	2	2.5	5	1.5	3.0
20	050608200238	Nguyễn Thị Lan Anh	16/12/2002	HQ8-GE08	V	V	V	V	V
21	050608200241	Trần Mậu Tuấn Anh	01/02/2002	HQ8-GE11	4.5	3.5	5	5	4.5
22	050608200242	Trần Ngọc Tâm Anh	09/07/2002	HQ8-GE12	4.5	3.5	4.5	3	4.0
23	050608200246	Vũ Thị Ngọc Anh	09/10/2002	HQ8-GE13	4.5	3	4.5	4.5	4.0
24	050608200023	Nguyễn Khánh Băng	06/10/2002	HQ8-GE13	V	V	V	V	V
25	050608200024	Trần Kim Khánh Băng	10/02/2002	HQ8-GE15	4	4	8	4.5	5.0
26	050608200025	Trần Ngọc Bảo	16/04/2002	HQ8-GE12	5	3.5	5	6	5.0
27	050608200026	Võ Thanh Chí Bảo	23/03/2002	HQ8-GE05	5	3	5	5	4.5
28	050608200248	Hoàng Phạm Gia Bảo	28/01/2002	HQ8-GE04	V	V	V	V	V
29	050608200249	Lê Thái Bảo	15/03/2002	HQ8-GE15	6	4.5	6.5	4	5.5
30	050608200209	Nguyễn Phạm Hải Bình	04/12/2002	HQ8-GE08	5	3	5.5	5	4.5
31	050608200262	Nguyễn Phương Châu	06/08/2002	HQ8-GE12	4	3.5	8	4.5	5.0
32	050608200263	Hoàng Ngọc Thanh Chi	17/10/2002	HQ8-GE13	5	4.5	8	5	5.5
33	050608200267	Nguyễn Thị Cẩm Chi	11/02/2002	HQ8-GE11	4	4	8.5	6	5.5
34	050608200253	Nguyễn Thành Công	20/06/2002	HQ8-GE17	V	V	V	V	V
35	050608200254	Mai Thị Kim Cúc	21/02/2002	HQ8-GE15	3.5	5	8	5.5	5.5
36	050608200257	Mai Tuấn Cường	05/11/2002	HQ8-GE03	4	3.5	7	2.5	4.5
37	050608200258	Phạm Quốc Cường	28/04/2002	HQ8-GE09	6	5	5.5	5	5.5
38	030536200030	Nguyễn Minh Đăng	27/05/2002	HQ8-GE09	4.5	4	5.5	4.5	4.5
39	050608200303	Lê Đàm Hải Đăng	28/06/2002	HQ8-GE12	5	4	8.5	4.5	5.5
40	050608200304	Nguyễn Huỳnh Ngọc Đăng	26/01/2002	HQ8-GE14	5	4	8	2	5.0
41	050608200269	Phạm Thanh Danh	17/09/2002	HQ8-GE07	5	5	6	5.5	5.5
42	050608200030	Nguyễn Mạnh Đạt	04/02/2002	HQ8-GE04	V	V	V	V	V
43	050608200299	Bùi Tuấn Đạt	19/07/2002	HQ8-GE17	V	V	V	V	V
44	050608200301	Nguyễn Minh Xuân Đạt	08/10/2002	HQ8-GE19	V	V	V	V	V
45	050608200302	Nguyễn Tiến Đạt	01/04/2002	HQ8-GE11	6.5	4.5	5	5	5.5
46	050608200031	Trương Thúy Diễm	25/01/2002	HQ8-GE14	5	2	4.5	4	4.0
47	050608200032	Trần Thanh Ngọc Diệp	07/12/2002	HQ8-GE03	5	3	4.5	3	4.0
48	050608200272	Ngô Nguyễn Thị Ngọc Diệp	16/05/2002	HQ8-GE09	V	V	V	V	V
49	050608200305	Nguyễn Minh Đông	16/09/2002	HQ8-GE10	5.5	4	4.5	3	4.5

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	NÓI	NGHE	ĐỌC	VIẾT	TỔNG (quy đổi theo IELTS)
50	050608200306	Phan Văn	Đồng	21/10/2002	HQ8-GE19	V	V	V	V	v
51	050608200307	Lê Bá Minh	Đức	25/02/2002	HQ8-GE04	V	4	1	V	1.5
52	050608200034	Lê Thị Mỹ	Dung	12/09/2002	HQ8-GE13	V	V	V	V	v
53	050608200035	Trịnh Thị Mỹ	Dung	01/01/2002	HQ8-GE09	V	2	4	2	2.0
54	050608200275	Trần Thị Thủy	Dung	05/07/2002	HQ8-GE12	5	3	5	4.5	4.5
55	050608200036	Lưu Tính	Dương	11/06/2001	HQ8-GE04	V	V	V	V	v
56	050608200294	Hoàng Thị Thủy	Dương	13/07/2002	HQ8-GE09	V	V	V	V	v
57	050608200295	Lê Văn	Dương	01/01/2002	HQ8-GE14	5	2.5	4.5	4.5	4.0
58	030336200036	Hoàng Kim	Duy	30/07/2002	HQ8-GE03	V	V	V	V	v
59	050608200276	Bùi Tấn	Duy	21/12/2002	HQ8-GE03	5	5	5	4.5	5.0
60	050608200278	Nguyễn Đăng	Duy	16/12/2002	HQ8-GE20	V	V	V	V	v
61	050608200279	Nguyễn Đoàn Anh	Duy	06/10/2002	HQ8-GE13	3	3.5	5	4.5	4.0
62	050608200280	Nguyễn Văn	Duy	28/11/2002	HQ8-GE10	2	2	3	2	2.5
63	050608200282	Trương Hoàng Nhật	Duy	27/08/2002	HQ8-GE17	4.5	6.5	6	5	5.5
64	050608200219	Lê Phạm Kỳ	Duyên	01/25/2000	HQ8-GE01	V	V	V	V	v
65	050608200287	Lê Thị Mỹ	Duyên	01/01/2002	HQ8-GE02	4	3	7	4.5	4.5
66	050608200288	Nguyễn Mỹ	Duyên	15/11/2002	HQ8-GE20	3	2.5	5	4.5	4.0
67	050608200291	Tổng Thị Mỹ	Duyên	27/02/2002	HQ8-GE15	3	2.5	8.5	5	5.0
68	050608200041	Nguyễn Thị Hương	Giang	29/08/2002	HQ8-GE17	V	V	V	V	v
69	050608200309	Huỳnh Trúc	Giang	03/10/2002	HQ8-GE17	V	V	V	V	v
70	050608200311	Lương Thị Trúc	Giang	14/07/2002	HQ8-GE06	3	4.5	8.5	5	5.5
71	050608200813	Nguyễn Thị Hương	Giang	28/06/2002	HQ8-GE12	7	4.5	6	5.5	6.0
72	050608200314	Nguyễn Thị Quỳnh	Giao	29/08/2002	HQ8-GE17	6	3.5	5.5	5	5.0
73	050608200315	Lê Thị Việt	Hà	01/02/2002	HQ8-GE11	V	V	V	V	v
74	050608200317	Nguyễn Thị Minh	Hà	13/07/2002	HQ8-GE12	6	3.5	5	5	5.0
75	050608200318	Nguyễn Thị Minh	Hà	25/01/2002	HQ8-GE09	4.5	6	5.5	5	5.5
76	050608200319	Trần Đỗ Như	Hà	28/03/2002	HQ8-GE05	V	V	V	V	v
77	050608200320	Trần Thị Thu	Hà	09/11/2002	HQ8-GE10	V	V	V	V	v
78	050608200048	Võ Đăng Hoàng Phi	Hải	05/02/2002	HQ8-GE14	V	V	V	V	v
79	050608200322	Vũ Quốc	Hải	05/11/2002	HQ8-GE09	5.5	6.5	5	6	6.0
80	050608200049	Dư Gia	Hân	20/02/2002	HQ8-GE15	5	3.5	5	4	4.5
81	050608200050	Lê Thị Ngọc	Hân	25/06/2002	HQ8-GE12	3	2.5	3.5	5	3.5
82	050608200054	Phạm Thị Diệu	Hân	23/08/2002	HQ8-GE07	V	V	V	V	v
83	050608200336	Lê Ngọc	Hân	13/03/2002	HQ8-GE04	V	V	V	V	v
84	050608200338	Lê Thị Ngọc	Hân	17/08/2002	HQ8-GE10	4.5	4	5	5	4.5
85	050608200339	Ngô Gia	Hân	01/01/2002	HQ8-GE01	5	6	6	6.5	6.0
86	050608200340	Nguyễn Bảo	Hân	14/01/2002	HQ8-GE01	5.5	6	7	2.5	5.5
87	050608200341	Nguyễn Gia	Hân	30/03/2002	HQ8-GE11	4	3.5	8.5	4.5	5.0
88	050608200344	Võ Thị Ngọc	Hân	13/05/2002	HQ8-GE16	4	3.5	6	5	4.5
89	050608200055	Nguyễn Khánh	Hăng	16/10/2002	HQ8-GE13	3	6	8	5	5.5
90	050608200328	Đinh Thị Thu	Hăng	18/02/2002	HQ8-GE15	4.5	2.5	5.5	5	4.5
91	050608200329	Hoàng Thị Thu	Hăng	16/07/2002	HQ8-GE12	3.5	3.5	5.5	4	4.0
92	050608200333	Trần Thị Thúy	Hăng	28/05/2002	HQ8-GE02	V	V	V	V	v
93	050608200334	Võ Thu	Hăng	01/07/2002	HQ8-GE06	4	4	3.5	4.5	4.0
94	050608200056	Nguyễn Thị Phương	Hạnh	08/02/2002	HQ8-GE02	2.5	3	4	4.5	3.5
95	050608200323	Tô Thị Mỹ	Hạnh	10/02/2002	HQ8-GE01	V	V	V	V	v
96	050608200057	La Phú	Hào	26/03/2002	HQ8-GE05	2.5	2.5	5	3.5	3.5
97	050608200324	Lương Gia	Hào	14/02/2002	HQ8-GE11	4.5	2.5	5.5	5.5	4.5
98	050608200326	Phan Anh	Hào	19/05/2002	HQ8-GE05	V	V	V	V	v
99	050608200060	Bùi Nguyễn Diệu	Hiền	23/05/2002	HQ8-GE05	3.5	5	5	4.5	4.5
100	050608200062	Trần Thảo	Hiền	23/06/2002	HQ8-GE17	5	3	5	5	4.5
101	050608200347	Trần Thực	Hiền	13/07/2002	HQ8-GE17	V	V	V	V	v
102	050608200348	Nguyễn Hòa	Hiệp	05/11/2001	HQ8-GE11	V	4	4.5	V	2.0
103	030136200197	Đinh Thị Mai	Hoa	05/07/2002	HQ8-GE06	V	2.5	7	2.5	3.0
104	050608200359	Mai Thị Bích	Hợp	19/01/2002	HQ8-GE14	1	2.5	6.5	4.5	3.5
105	050608200360	Nguyễn Trương Hồng	Hợp	27/02/2002	HQ8-GE15	V	V	V	V	v

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	NÓI	NGHE	ĐỌC	VIẾT	TỔNG (quy đổi theo IELTS)
106	050608200361	Lê Nguyễn Tôn	Huân	28/07/2002	HQ8-GE17	V	V	V	V	V
107	050608200362	Trần Thị Minh	Huệ	01/04/2002	HQ8-GE16	3	3	5	4	4.0
108	050608200363	Huỳnh Nguyễn Phi	Hùng	08/02/2002	HQ8-GE15	4	2.5	4	4.5	4.0
109	050608200364	Uông Anh	Hùng	09/05/2002	HQ8-GE12	4	2.5	4.5	2.5	3.5
110	050608200374	Cao Văn	Hung	15/04/2002	HQ8-GE16	V	V	V	V	V
111	030136200241	Trần Diệu	Huong	31/01/2002	HQ8-GE06	3.5	4	5.5	5	4.5
112	050608200211	Dương Thị Diễm	Huong	12/03/2001	HQ8-GE02	V	V	V	V	V
113	050608200376	Hoàng Nguyễn Thanh	Huong	25/09/2002	HQ8-GE07	6.5	3.5	5	4.5	5.0
114	050608200378	Nguyễn Thu	Huong	16/09/2001	HQ8-GE14	5.5	2.5	5.5	4.5	4.5
115	050608200380	Trương Ngọc Quỳnh	Huong	02/01/2002	HQ8-GE11	5	4	7	3	5.0
116	050608200212	Phạm Xuân	Huy	10/10/2001	HQ8-GE11	2	4	6.5	4	4.0
117	050608200371	Trần Phương	Huy	21/10/2002	HQ8-GE03	V	V	V	V	V
118	050608200069	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	23/03/2002	HQ8-GE11	V	V	V	V	V
119	050608200070	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	13/09/2002	HQ8-GE07	1	2	8.5	4.5	4.0
120	050608200389	Nguyễn Ngọc Duy	Kha	26/02/2002	HQ8-GE11	V	2.5	3	1	1.5
121	050608200205	Hoàng Đình	Khả	19/01/2001	HQ8-GE14	V	V	V	V	V
122	030136200255	Nguyễn Tuấn	Khải	05/07/2002	HQ8-GE05	5.5	4	4	5.5	5.0
123	030136200263	Nguyễn Thị Kim	Khánh	11/11/2002	HQ8-GE20	V	V	V	V	V
124	050608200394	Đỗ Gia	Khánh	29/06/2002	HQ8-GE02	5	3.5	6	4.5	5.0
125	050608200397	Nguyễn Hữu	Khánh	04/11/2002	HQ8-GE13	4.5	4	4.5	5	4.5
126	050608200402	Quách Như	Khôi	28/04/2002	HQ8-GE16	V	V	V	V	V
127	050608200077	Nguyễn Hiếu	Kiên	06/02/2002	HQ8-GE04	V	V	V	V	V
128	050608200383	Nguyễn Thúc	Kiên	06/08/2002	HQ8-GE01	V	V	V	V	V
129	050608200388	Nguyễn Thiên	Kim	01/12/2002	HQ8-GE10	V	V	V	V	V
130	050608200079	Ông Vĩnh	Kỳ	21/10/2002	HQ8-GE19	V	V	V	V	V
131	050608200403	Trần Ngọc Duy	Lam	24/06/2002	HQ8-GE17	4	3.5	5	5	4.5
132	050608200082	Trần Thanh	Lâm	02/10/2002	HQ8-GE17	V	V	V	V	V
133	050608200404	Lê Thị Hương	Lan	04/06/2002	HQ8-GE16	4.5	3.5	6	4.5	4.5
134	050608200405	Nguyễn Phạm Ngọc	Lan	10/02/2002	HQ8-GE09	2	2.5	6	5.5	4.0
135	050608200406	Phùng Thị Hương	Lan	30/12/2002	HQ8-GE20	4.5	4	5	4.5	4.5
136	050608200083	Đào Thị Bích	Liên	01/03/2002	HQ8-GE15	V	V	V	V	V
137	050608200084	Lê Thị Mỹ	Linh	11/06/2002	HQ8-GE09	4	2	5	5	4.0
138	050608200410	Đậu Thị Khánh	Linh	04/11/2002	HQ8-GE19	V	V	V	V	V
139	050608200412	Hồ Phan Khánh	Linh	19/12/2002	HQ8-GE20	4	3	4.5	4.5	4.0
140	050608200413	Huỳnh Nguyễn Phương	Linh	12/07/2002	HQ8-GE12	5	4.5	5	4.5	5.0
141	050608200416	Lê Ngọc Phương	Linh	19/09/2002	HQ8-GE13	5	3.5	7	6	5.5
142	050608200417	Lê Thị Thuý	Linh	13/03/2002	HQ8-GE11	5.5	4	7.5	5.5	5.5
143	050608200418	Nguyễn Khánh	Linh	01/10/2002	HQ8-GE03	5.5	2.5	6	4.5	4.5
144	050608200419	Nguyễn Lê Ngọc	Linh	20/05/2002	HQ8-GE05	6	4	5	5.5	5.0
145	050608200421	Nguyễn Vũ Anh	Linh	16/07/2002	HQ8-GE01	V	V	V	V	V
146	050608200422	Nguyễn Yên	Linh	22/02/2002	HQ8-GE15	5	3.5	5.5	4.5	4.5
147	050608200423	Phạm Huyền Khánh	Linh	20/12/2002	HQ8-GE20	6.5	4	7.5	5.5	6.0
148	050608200424	Trần Kiều Trúc	Linh	16/11/2001	HQ8-GE11	7	5.5	9	5	6.5
149	050608200425	Trịnh Thị Mỹ	Linh	02/05/2002	HQ8-GE05	5	4.5	4.5	2	4.0
150	050608200427	Vũ Khánh	Linh	03/09/2002	HQ8-GE17	5	5	7	3	5.0
151	050608200428	Vũ Trần Thanh	Loan	02/09/2002	HQ8-GE07	V	V	V	V	V
152	050608200432	Trần Tấn	Lộc	14/08/2002	HQ8-GE12	5	3.5	5.5	5	5.0
153	050608200086	Tăng Kim	Lợi	30/08/2002	HQ8-GE12	6.5	3.5	5	5	5.0
154	050608200433	Lê Thị Mỹ	Lụa	22/02/2002	HQ8-GE15	6	3.5	5	5	5.0
155	050608200435	Nguyễn Phạm Lưu	Ly	30/09/2002	HQ8-GE07	7	4.5	4.5	5.5	5.5
156	050608200087	Lê Xuân	Mai	13/11/2002	HQ8-GE13	5.5	6	8.5	5.5	6.5
157	050608200088	Ngô Thị Huyền	Mai	19/02/2002	HQ8-GE11	5	6	9	5.5	6.5
158	050608200089	Nguyễn Thị	Mai	20/11/2002	HQ8-GE20	V	V	V	V	V
159	050608200215	Đoàn Dương Xuân	Mai	18/05/2002	HQ8-GE05	V	V	V	V	V
160	050608200437	Hồ Thị Thanh	Mai	01/01/2002	HQ8-GE14	5.5	2.5	4.5	2	3.5
161	050608200438	Lê Hoàng Khánh	Mai	22/07/2002	HQ8-GE03	6	4.5	6	5	5.5

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	NÓI	NGHE	ĐỌC	VIẾT	TỔNG (quy đổi theo IELTS)
162	050608200439	Lê Thị Ngọc	Mai	24/10/2002	HQ8-GE08	3.5	4	4.5	2	3.5
163	050608200090	Bùi Thị Diễm	Mi	29/10/2002	HQ8-GE19	5.5	5.5	5.5	5	5.5
164	050608200444	Nguyễn Đăng	Minh	27/08/2002	HQ8-GE01	5	5	6	5	5.5
165	050608200445	Nguyễn Hải	Minh	01/10/2002	HQ8-GE17	V	V	V	V	V
166	050608200094	Phan Hạnh Huyền	My	22/10/2002	HQ8-GE10	V	V	V	V	V
167	050608200449	Nguyễn Hồng Hải	My	19/03/2002	HQ8-GE02	5.5	6.5	8	5.5	6.5
168	050608200452	Nguyễn Thị Hà	My	09/05/2002	HQ8-GE12	3.5	7	8.5	4	6.0
169	050608200453	Trần Hoàng Thảo	My	13/06/2002	HQ8-GE12	5	6.5	8	5	6.0
170	050608200454	Nguyễn Hoài Gia	Mỹ	13/10/2002	HQ8-GE13	5.5	5	5.5	4.5	5.0
171	050608200096	Trần Thị Hoài	Nam	29/06/2002	HQ8-GE09	4	4	5	5	4.5
172	050608200456	Nguyễn Thị Long	Nam	14/03/2002	HQ8-GE09	5.5	5	6	5.5	5.5
173	050608200457	Trần Huỳnh Hoàng	Nam	22/11/2000	HQ8-GE11	6	6	4	6	5.5
174	050608200458	Trương Kim Hoàng	Nam	14/10/2002	HQ8-GE19	4.5	3.5	4.5	5	4.5
175	050608200459	Vy Hoàng	Nam	27/03/2002	HQ8-GE01	V	V	V	V	V
176	050608200097	Đào Thủy	Nga	03/06/2002	HQ8-GE06	2.5	2	4	4	3.0
177	050608200462	Nguyễn Võ Bảo	Nga	13/10/2002	HQ8-GE19	3.5	2.5	7.5	4.5	4.5
178	050608200099	Nguyễn Lê Mỹ	Nga	22/05/2002	HQ8-GE14	V	V	V	V	V
179	030136200804	Dương Hỷ	Ngân	018/9/2002	HQ8-GE08	2	3	5.5	3	3.5
180	050608200100	Đặng Thị Kim	Ngân	06/05/2002	HQ8-GE16	4	4	5	4.5	4.5
181	050608200101	Nguyễn Kim	Ngân	09/02/2002	HQ8-GE04	1.5	3.5	7.5	4.5	4.5
182	050608200102	Nguyễn Ngọc	Ngân	30/09/2002	HQ8-GE17	5	4.5	8	5	5.5
183	050608200103	Nguyễn Thị Kim	Ngân	01/01/2002	HQ8-GE14	4	6	7.5	5	5.5
184	050608200106	Tăng Ngọc	Ngân	25/10/2002	HQ8-GE19	V	V	V	V	V
185	050608200107	Trần Thị Kim	Ngân	15/08/2002	HQ8-GE17	V	V	V	V	V
186	050608200108	Trình Bảo	Ngân	04/01/2002	HQ8-GE14	5.5	5	8	5.5	6.0
187	050608200463	Hồ Thị Thu	Ngân	08/07/2002	HQ8-GE03	5.5	5.5	7.5	5.5	6.0
188	050608200465	Lê Nguyễn Kim	Ngân	24/01/2002	HQ8-GE04	V	V	V	V	V
189	050608200466	Ngô Bảo	Ngân	02/05/2002	HQ8-GE02	5	4.5	8	5.5	6.0
190	050608200467	Nguyễn Hiếu	Ngân	08/07/2002	HQ8-GE17	4	3.5	6	2	4.0
191	050608200469	Nguyễn Thị Phương	Ngân	07/09/2002	HQ8-GE03	4.5	3.5	7.5	4.5	5.0
192	050608200470	Nguyễn Thoại Trúc	Ngân	01/03/2002	HQ8-GE02	5.5	5.5	8	5	6.0
193	050608200472	Phạm Trần Kim	Ngân	20/08/2002	HQ8-GE12	3.5	3.5	6.5	4.5	4.5
194	050608200473	Phan Thu	Ngân	12/08/2002	HQ8-GE03	3	3.5	6.5	4.5	4.5
195	050608200474	Trần Hà	Ngân	23/11/2002	HQ8-GE13	4.5	6.5	8.5	5.5	6.5
196	050608200475	Trần Vũ Bảo	Ngân	20/07/2002	HQ8-GE17	1.5	5	6	4.5	4.5
197	050608200476	Võ Thị Kim	Ngân	09/01/2002	HQ8-GE02	4	5.5	8	5	5.5
198	050608200478	Diệp Mẫn	Nghi	21/04/2002	HQ8-GE02	4.5	5.5	8	2.5	5.0
199	050608200480	Trương Hiếu	Nghi	28/02/2002	HQ8-GE11	4.5	5	8	5	5.5
200	050608200481	Nguyễn Ánh	Nghĩa	28/03/2001	HQ8-GE01	3	5.5	7.5	5.5	5.5
201	050608200482	Nguyễn Phúc	Nghĩa	07/04/2002	HQ8-GE11	4.5	3.5	5.5	5	4.5
202	050608200109	Trương Văn	Ngoan	29/12/2002	HQ8-GE20	4	3	4.5	4.5	4.0
203	050608200110	Nguyễn Thị Huỳnh	Ngọc	07/02/2002	HQ8-GE11	4.5	2.5	5	5	4.5
204	050608200111	Nguyễn Thiều Bảo	Ngọc	21/03/2002	HQ8-GE15	4.5	3	6.5	5.5	5.0
205	050608200112	Phạm Nguyễn Bảo	Ngọc	09/03/2002	HQ8-GE11	V	V	V	V	V
206	050608200113	Phan Lê Minh	Ngọc	18/07/2002	HQ8-GE12	5	3.5	5	5.5	5.0
207	050608200484	Bùi Thị Bảo	Ngọc	24/12/2002	HQ8-GE20	V	V	V	V	V
208	050608200487	Huỳnh Thái	Ngọc	01/03/2002	HQ8-GE15	4	2.5	4.5	4	4.0
209	050608200489	Nguyễn Hữu Việt	Ngọc	12/10/2002	HQ8-GE03	V	V	V	V	V
210	050608200490	Nguyễn Khánh	Ngọc	24/12/2002	HQ8-GE10	5	3.5	5.5	4.5	4.5
211	050608200491	Nguyễn Minh	Ngọc	21/06/2002	HQ8-GE02	4	3.5	7	5	5.0
212	050608200493	Nguyễn Thái Như	Ngọc	01/05/2002	HQ8-GE16	4	2.5	4.5	3	3.5
213	050608200494	Trần Lý Mỹ	Ngọc	16/03/2002	HQ8-GE05	5.5	6	5	5	5.5
214	050608200115	Pang Tiêng K'	Ngôi	05/04/2002	HQ8-GE05	5.5	3.5	5.5	5.5	5.0
215	050608200116	Lê Thị Hồng	Nguyên	02/06/2002	HQ8-GE06	V	V	V	V	V
216	050608200117	Lý Chí	Nguyên	28/03/2002	HQ8-GE02	V	V	V	V	V
217	050608200500	Nguyễn Trần Nhật	Nguyên	15/08/2002	HQ8-GE17	5	4.5	6	5	5.0

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	NÓI	NGHE	ĐỌC	VIẾT	TỔNG (quy đổi theo IELTS)
218	050608200501	Trương My Thảo	Nguyễn	12/06/2002	HQ8-GE12	4	3.5	3	1.5	3.0
219	050608200502	Nguyễn Thị Minh	Nguyễn	17/10/2002	HQ8-GE10	V	V	V	V	V
220	050608200503	Võ Thanh	Nhã	01/01/2002	HQ8-GE04	5.5	6	6	5	5.5
221	050608200504	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	09/06/2002	HQ8-GE09	V	2.5	5	2	2.5
222	050608200505	Dương Thị Thanh	Nhân	25/09/2002	HQ8-GE13	2.5	6	7.5	5.5	5.5
223	050608200506	Nguyễn Bảo Trí	Nhân	01/03/2002	HQ8-GE15	3	4	7	4	4.5
224	050608200507	Nguyễn Cao Thiện	Nhân	16/10/2002	HQ8-GE19	4.5	4	5	6	5.0
225	050608200508	Nguyễn Hữu	Nhân	04/04/2002	HQ8-GE02	4	4.5	5.5	5.5	5.0
226	050608200509	Trần Quốc	Nhân	01/04/2002	HQ8-GE11	4	4	5	4.5	4.5
227	030136200426	Mã Hoàng Quốc	Nhật	19/03/2002	HQ8-GE15	5	5	7	5	5.5
228	050608200510	La Tiên	Nhật	07/04/2002	HQ8-GE16	5.5	4	5.5	4.5	5.0
229	050608200511	Nguyễn Huỳnh Thanh	Nhật	03/07/2002	HQ8-GE01	6	4.5	5	4	5.0
230	050608200512	Trần Minh	Nhật	08/12/2002	HQ8-GE08	3.5	4	5	4.5	4.5
231	050608200120	Hoàng Thị Ngọc	Nhi	04/09/2002	HQ8-GE13	4.5	6	7.5	5.5	6.0
232	050608200122	Nguyễn Thị Phương	Nhi	05/01/2002	HQ8-GE04	V	V	V	V	V
233	050608200123	Phạm Yến	Nhi	13/01/2002	HQ8-GE11	3.5	2	4	3	3.0
234	050608200124	Trịnh Thảo	Nhi	16/07/2002	HQ8-GE18	4	4.5	6	6	5.0
235	050608200125	Vũ Yến	Nhi	01/09/2002	HQ8-GE18	5.5	4.5	6	5	5.5
236	050608200514	Đoàn Trần Yến	Nhi	30/09/2002	HQ8-GE03	4	2	4.5	4.5	4.0
237	050608200515	Già Thủy	Nhi	23/07/2002	HQ8-GE18	4.5	4.5	5.5	6.5	5.5
238	050608200516	Huỳnh Tuyết	Nhi	27/12/2002	HQ8-GE20	4.5	4	5	4.5	4.5
239	050608200518	Lê Uyên	Nhi	25/03/2002	HQ8-GE05	V	V	V	V	V
240	050608200521	Nguyễn Đỗ Quỳnh	Nhi	15/04/2002	HQ8-GE05	5.5	5	6	4.5	5.5
241	050608200523	Nguyễn Hồng	Nhi	07/05/2002	HQ8-GE12	4.5	3	5	1.5	3.5
242	050608200524	Nguyễn Mai Yến	Nhi	22/10/2001	HQ8-GE14	4.5	3	5	3.5	4.0
243	050608200526	Nguyễn Thị Bích	Nhi	07/12/2002	HQ8-GE01	4.5	4	4.5	4.5	4.5
244	050608200527	Nguyễn Thị Uyên	Nhi	01/11/2002	HQ8-GE03	3.5	5.5	3.5	2.5	4.0
245	050608200528	Trần Lê Hoàng	Nhi	21/08/2002	HQ8-GE18	5	6	5	5.5	5.5
246	050608200530	Trương Bảo	Nhi	12/01/2002	HQ8-GE02	6	6	5.5	5.5	6.0
247	050608200531	Trương Yến	Nhi	01/07/2002	HQ8-GE17	V	V	V	V	V
248	050608200533	Võ Thị Yến	Nhi	22/07/2002	HQ8-GE18	4.5	4.5	6	4.5	5.0
249	050608200535	Vương Bích	Nhi	24/10/2002	HQ8-GE08	5	4.5	6	3.5	5.0
250	050608200126	Bùi Lê Tuyết	Như	12/04/2002	HQ8-GE16	3	4	6	3	4.0
251	050608200127	Lim Thiên	Như	15/09/2002	HQ8-GE13	4.5	3.5	3.5	3.5	4.0
252	050608200128	Nguyễn Diễm Quỳnh	Như	10/01/2002	HQ8-GE14	5	5	4.5	5	5.0
253	050608200129	Nguyễn Quỳnh	Như	12/10/2002	HQ8-GE19	4	5	4	5.5	4.5
254	050608200542	Đặng Quỳnh	Như	19/03/2002	HQ8-GE09	3.5	3	3.5	4	3.5
255	050608200543	Lê Đỗ Quỳnh	Như	25/08/2002	HQ8-GE18	5	3.5	6	4.5	5.0
256	050608200546	Nguyễn Thị	Như	01/08/2002	HQ8-GE10	3.5	3	3.5	3.5	3.5
257	050608200548	Phan Vũ Quỳnh	Như	10/03/2002	HQ8-GE11	V	V	V	V	V
258	050608200549	Tô Thị Huỳnh	Như	15/06/2002	HQ8-GE18	4.5	3	5.5	3	4.0
259	050608200552	Trịnh Hoàng Anh	Như	27/10/2002	HQ8-GE08	V	V	V	V	V
260	050608200554	Xa Khiết	Như	27/11/2002	HQ8-GE08	V	V	V	V	V
261	050608200536	Đặng Phi	Nhung	19/03/2002	HQ8-GE09	V	V	V	V	V
262	050608200537	Đỗ Thị Hồng	Nhung	16/06/2002	HQ8-GE02	6	5.5	6	5.5	6.0
263	050608200539	Ngô Thị Cẩm	Nhung	30/09/2002	HQ8-GE01	4	5.5	6	6	5.5
264	050608200130	Nguyễn Thị Quỳnh	Ni	29/11/2002	HQ8-GE20	3	5	6.5	5.5	5.0
265	050608200461	Dương Tôn	Ninh	07/11/2002	HQ8-GE19	V	V	V	V	V
266	050608200555	Lê Thị Kiều	Oanh	10/04/2002	HQ8-GE13	2.5	3.5	6	4.5	4.0
267	050608200556	Ngô Hồ Phương	Oanh	02/01/2002	HQ8-GE11	3	3.5	6	2.5	4.0
268	050608200557	Nguyễn Thị Kim	Oanh	29/04/2002	HQ8-GE16	3.5	4	2	2.5	3.0
269	050608200558	Nguyễn Thị Tô	Oanh	22/04/2001	HQ8-GE14	4.5	3.5	3.5	3.5	4.0
270	050608200560	Nguyễn Tân	Phát	20/12/2002	HQ8-GE03	4	3	3	3	3.5
271	050608200563	Đỗ Nam	Phú	31/01/2002	HQ8-GE11	6	4	4	5	5.0
272	050608200564	Phạm Hoàng Thiên	Phú	03/11/2002	HQ8-GE12	V	V	V	V	V
273	050608200132	Nguyễn Huỳnh	Phúc	14/05/2002	HQ8-GE16	V	V	V	V	V

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	NÓI	NGHE	ĐỌC	VIẾT	TỔNG (quy đổi theo IELTS)
274	050608200567	Mai Hồ Tấn	Phúc	23/06/2002	HQ8-GE18	5	3.5	6.5	6	5.5
275	050608200570	Chu Huỳnh Minh	Phuong	19/05/2001	HQ8-GE11	5	5	4	5.5	5.0
276	050608200572	La Ngọc Thảo	Phuong	26/05/2002	HQ8-GE02	4.5	3.5	6.5	5	5.0
277	050608200573	Phạm Bảo	Phuong	11/01/2002	HQ8-GE04	V	V	V	V	V
278	050608200574	Phạm Huyền	Phuong	18/01/2002	HQ8-GE14	4	3	4	4.5	4.0
279	030136200823	Nguyễn Mạnh	Quân	27/11/2001	HQ8-GE05	4.5	4.5	5.5	5.5	5.0
280	030336200216	Đỗ Minh	Quân	02/03/2002	HQ8-GE02	4	4	6	3.5	4.5
281	050608200582	Lê Minh	Quân	29/11/2002	HQ8-GE20	3	2	6	4.5	4.0
282	050608200579	Phùng Nhựt	Quang	23/11/2002	HQ8-GE05	2	2.5	3.5	3	3.0
283	050608200584	Nguyễn Ngọc	Quốc	08/01/2002	HQ8-GE11	5.5	5	6.5	5	5.5
284	050608200587	Đặng Nguyễn Phương	Quyên	27/10/2002	HQ8-GE08	V	V	V	V	V
285	050608200588	Hà Trần	Quyên	11/04/2002	HQ8-GE16	4	2.5	6.5	4.5	4.5
286	050608200590	Nguyễn Trần Thục	Quyên	09/04/2002	HQ8-GE05	3.5	3	6.5	3	4.0
287	050608200591	Phạm Thu	Quyên	18/09/2002	HQ8-GE18	V	3.5	5	2	2.5
288	030536200158	Hoàng Thị Diễm	Quỳnh	08/05/2002	HQ8-GE01	3	4.5	6	5	4.5
289	050608200134	Bùi Ngọc Như	Quỳnh	26/03/2002	HQ8-GE16	V	V	V	V	V
290	050608200135	Cao Thị Như	Quỳnh	02/12/2002	HQ8-GE20	4	5.5	6.5	7.5	6.0
291	050608200136	Lê Diễm	Quỳnh	12/03/2002	HQ8-GE15	4.5	3.5	4	6	4.5
292	050608200137	Nguyễn Diễm Trúc	Quỳnh	11/03/2002	HQ8-GE15	V	V	V	V	V
293	050608200138	Thái Phạm Diễm	Quỳnh	28/07/2002	HQ8-GE06	3.5	5.5	6.5	4.5	5.0
294	050608200593	Dương Trần Xuân	Quỳnh	14/08/2002	HQ8-GE06	6.5	5.5	6.5	4.5	6.0
295	050608200596	Mạc Tôn Cát	Quỳnh	01/08/2002	HQ8-GE18	5.5	4.5	5.5	4.5	5.0
296	050608200597	Nguyễn Phạm Ái	Quỳnh	04/09/2002	HQ8-GE13	V	V	V	V	V
297	050608200600	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	19/06/2002	HQ8-GE06	6	6	6	5.5	6.0
298	050608200601	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	16/12/2002	HQ8-GE03	5.5	6	6	5.5	6.0
299	050608200602	Phạm Diễm	Quỳnh	01/06/2002	HQ8-GE16	5	3	7	3.5	4.5
300	050608200605	Dương Tấn	Sang	02/11/2002	HQ8-GE13	V	V	V	V	V
301	050608200607	Trần Hoàng	Son	14/02/2002	HQ8-GE15	V	V	V	V	V
302	050608200609	Trần Chí	Tài	15/02/2001	HQ8-GE14	5	4.5	6	3	4.5
303	030136200539	Lê Thị Minh	Tâm	21/01/2002	HQ8-GE04	V	V	V	V	V
304	050608200611	Nguyễn Minh Phúc	Tâm	10/12/2002	HQ8-GE20	5	5.5	6	4	5.0
305	050608200615	Nguyễn Quốc	Tân	15/01/2002	HQ8-GE02	5.5	5.5	6	4.5	5.5
306	050608200140	Mai Danh	Thái	18/12/2002	HQ8-GE20	5	3	5	2.5	4.0
307	050608200638	Lê Minh	Thái	30/07/2002	HQ8-GE06	5	6	6.5	4.5	5.5
308	050608200141	Mã Đức	Thắng	18/07/2002	HQ8-GE18	6	6	6.5	5	6.0
309	050608200659	Nguyễn Kim Vĩnh	Thắng	25/01/2002	HQ8-GE04	5.5	6	6	4.5	5.5
310	050608200142	Mai Nguyễn Diệu	Thanh	05/08/2002	HQ8-GE18	V	V	V	V	V
311	050608200640	Ngô Lan	Thanh	20/02/2002	HQ8-GE02	5.5	6	6.5	5.5	6.0
312	050608200642	Trần Thị Yên	Thanh	11/10/2002	HQ8-GE07	V	V	V	V	V
313	050608200643	Nguyễn Công	Thành	13/09/2002	HQ8-GE13	V	V	V	V	V
314	050608200644	Nguyễn Phú	Thành	20/10/2002	HQ8-GE13	4	5.5	6	6	5.5
315	050608200146	Lê Thanh	Thảo	02/05/2002	HQ8-GE01	4	5	6.5	6	5.5
316	050608200646	Đặng Phương	Thảo	25/09/2002	HQ8-GE10	3.5	4.5	6	5.5	5.0
317	050608200649	Nguyễn Thị Phương	Thảo	01/10/2002	HQ8-GE13	4.5	5	6.5	5	5.5
318	050608200650	Nguyễn Thị Phương	Thảo	23/09/2002	HQ8-GE18	4.5	5.5	6.5	5.5	5.5
319	050608200652	Trần Nguyễn Ngọc	Thảo	19/07/2002	HQ8-GE18	4	3.5	6	5.5	5.0
320	050608200654	Trần Thanh	Thảo	18/04/2002	HQ8-GE16	4.5	3	6	5	4.5
321	050608200655	Trương Thị Phương	Thảo	25/02/2002	HQ8-GE15	3.5	4.5	6.5	4	4.5
322	050608200661	Đặng Anh	Thi	12/09/2002	HQ8-GE18	4.5	5	6.5	5	5.5
323	050608200662	Lê Phan Thanh	Thi	28/04/2002	HQ8-GE16	5	4.5	6.5	5.5	5.5
324	050608200148	Lê Ngọc	Thiện	17/01/2002	HQ8-GE02	5	5.5	4.5	5.5	5.0
325	050608200666	Nguyễn Trường	Thịnh	01/04/2002	HQ8-GE09	4.5	4	6	5.5	5.0
326	050608200216	Huỳnh Lê Minh	Thơ	21/04/2002	HQ8-GE12	V	V	V	V	V
327	050608200671	Lê Thị Anh	Thơ	10/02/2002	HQ8-GE11	6	4.5	4.5	5	5.0
328	050608200672	Trần Thị Anh	Thơ	19/05/2002	HQ8-GE16	2.5	4.5	6	4.5	4.5
329	050608200668	Huỳnh Kim	Thoa	26/03/2002	HQ8-GE05	V	V	V	V	V

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	NÓI	NGHE	ĐỌC	VIẾT	TỔNG (quy đổi theo IELTS)
330	050608200669	Trần Thị Kim	Thoa	07/10/2002	HQ8-GE17	V	V	V	V	v
331	050608200152	Nguyễn Thị Thiên	Thời	19/12/2002	HQ8-GE20	5.5	4.5	6.5	7	6.0
332	050608200673	Đào Thị Minh	Thu	09/12/2002	HQ8-GE10	7.5	7	6.5	5.5	6.5
333	050608200674	Nguyễn Hà Trang	Thu	11/02/2002	HQ8-GE11	2.5	4	6	5.5	4.5
334	050608200153	Nguyễn Minh	Thư	23/11/2002	HQ8-GE08	2	4	6	4	4.0
335	050608200154	Phạm Nguyễn Anh	Thư	16/11/2002	HQ8-GE10	V	V	V	V	v
336	050608200689	Hà Anh	Thư	03/11/2002	HQ8-GE13	3	5	6	7.5	5.5
337	050608200694	Nguyễn Anh	Thư	30/07/2002	HQ8-GE18	3.5	5	6.5	4	5.0
338	050608200696	Nguyễn Ngọc Thanh	Thư	03/01/2002	HQ8-GE01	4	6.5	6	7.5	6.0
339	050608200697	Nguyễn Thị Anh	Thư	23/03/2002	HQ8-GE15	3.5	5	6.5	7.5	5.5
340	050608200698	Nguyễn Thị Anh	Thư	04/12/2002	HQ8-GE03	4.5	7	6.5	7.5	6.5
341	050608200156	Nguyễn Ngọc	Thuận	11/03/2002	HQ8-GE15	6	6	6.5	5	6.0
342	050608200675	Đặng Bảo Minh	Thuận	15/02/2002	HQ8-GE04	5	5	6.5	6.5	6.0
343	050608200158	Võ Thị Ngọc	Thúy	21/06/2002	HQ8-GE12	3	3.5	3.5	5.5	4.0
344	050608200159	Phạm Nguyễn Như	Thùy	24/03/2002	HQ8-GE02	7.5	4.5	5	5.5	5.5
345	050608200812	Nguyễn Thị Thu	Thùy	21/11/2002	HQ8-GE13	4.5	2	4	5	4.0
346	050608200160	Hồ Lê Bảo	Thụy	14/11/2002	HQ8-GE13	4	4.5	4.5	5	4.5
347	050608200706	Nguyễn Anh	Thy	19/04/2002	HQ8-GE16	3	4.5	5.5	5	4.5
348	050608200707	Nguyễn Kim	Thy	02/09/2002	HQ8-GE12	3	5	6	6.5	5.0
349	050608200163	Hồ Thị Mộng	Tiên	05/04/2001	HQ8-GE09	6	6	6.5	3	5.5
350	050608200164	Võ Ngọc Mỹ	Tiên	12/09/2002	HQ8-GE18	6	6.5	5.5	5.5	6.0
351	050608200617	Đỗ Ngọc Thùy	Tiên	31/01/2002	HQ8-GE14	4.5	4.5	6.5	2.5	4.5
352	050608200620	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	23/11/2002	HQ8-GE13	5	4.5	5.5	4.5	5.0
353	050608200621	Phạm Thị Anh	Tiên	16/08/2001	HQ8-GE09	V	V	V	V	v
354	050608200622	Trần Thủy	Tiên	22/08/2002	HQ8-GE10	6	6	6.5	6.5	6.5
355	050608200624	Trần Minh	Tiến	10/05/2002	HQ8-GE12	V	V	V	V	v
356	050608200625	Nguyễn Công	Tới	20/01/2002	HQ8-GE14	5.5	6	6.5	8	6.5
357	050608200165	Giang Thị Hương	Trà	01/11/2002	HQ8-GE13	V	V	V	V	v
358	030136200686	Nguyễn Phan Bảo	Trâm	20/11/2002	HQ8-GE08	V	V	V	V	v
359	030136200832	Phạm Nguyễn Huyền	Trâm	25/02/2002	HQ8-GE15	V	2	5.5	2	2.5
360	030536200235	Trần Thị Bích	Trâm	20/10/2002	HQ8-GE01	4	4.5	6.5	4	5.0
361	050608200168	Nguyễn Thị Kiều	Trâm	21/10/2002	HQ8-GE19	5	5	6.5	5.5	5.5
362	050608200169	Nguyễn Thị Thanh	Trâm	26/06/2002	HQ8-GE06	5.5	6	6.5	7	6.5
363	050608200727	Ngô Thị Ngọc	Trâm	15/02/2002	HQ8-GE11	5	6	6.5	4	5.5
364	050608200729	Nguyễn Ngọc Phương	Trâm	13/12/2002	HQ8-GE20	V	V	V	V	v
365	050608200732	Nguyễn Thị Bích	Trâm	17/03/2002	HQ8-GE01	4	4	6	3	4.5
366	050608200734	Trần Thị Hoài	Trâm	15/04/2002	HQ8-GE16	5.5	5.5	3	4	4.5
367	050608200735	Lê Nguyễn Quỳnh	Trân	23/03/2002	HQ8-GE15	5.5	6	4	4.5	5.0
368	050608200736	Nguyễn Võ Bảo	Trân	02/12/2002	HQ8-GE20	6	6	6.5	7	6.5
369	050608200738	Trương Bích	Trân	23/10/2002	HQ8-GE08	4	5.5	6.5	5	5.5
370	050608200173	Nguyễn Đặng Đoàn	Trang	29/12/2002	HQ8-GE01	4	5	6.5	7	5.5
371	050608200174	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	03/12/2002	HQ8-GE20	5	6	6.5	5.5	6.0
372	050608200175	Trương Thị Quỳnh	Trang	30/10/2002	HQ8-GE19	4	6	6	6	5.5
373	050608200714	Đoàn Hào	Trang	01/10/2002	HQ8-GE18	5	5	6.5	6.5	6.0
374	050608200715	Đoàn Thùy	Trang	19/02/2002	HQ8-GE15	4	5	6.5	5.5	5.5
375	050608200721	Nguyễn Ngọc Phương	Trang	18/11/2002	HQ8-GE08	6	6.5	6.5	6.5	6.5
376	050608200725	Vũ Thị Thanh	Trang	29/06/2002	HQ8-GE06	4	5	6	6	5.5
377	050608200176	Hứa Hữu	Triết	07/04/2002	HQ8-GE16	V	V	V	V	v
378	050608200177	Nguyễn Thị Mai	Trinh	27/02/2002	HQ8-GE15	V	V	V	V	v
379	050608200739	Lê Văn	Trinh	25/04/2002	HQ8-GE12	3.5	5	4	3.5	4.0
380	050608200741	Tô Hoàng	Trinh	10/09/2001	HQ8-GE14	5	4.5	4	6	5.0
381	050608200742	Trần Mai	Trinh	10/01/2002	HQ8-GE11	5.5	4.5	4	5.5	5.0
382	050608200743	Trần Thị Xuân	Trinh	14/12/2002	HQ8-GE08	5	7	6	7.5	6.5
383	050608200180	Đặng Nguyễn Hồng	Trúc	13/04/2002	HQ8-GE05	5	7	6	6	6.0
384	050608200745	Lê Thị Thanh	Trúc	09/04/2002	HQ8-GE11	4.5	6.5	5	6	5.5
385	050608200747	Phạm Lê Xuân	Trúc	11/07/2002	HQ8-GE03	3	3	2	3.5	3.0

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	NÓI	NGHE	ĐỌC	VIẾT	TỔNG (quy đổi theo IELTS)
386	050608200748	Nguyễn Minh	Trung	15/07/2002	HQ8-GE06	V	V	V	V	v
387	050608200749	Trần Minh	Trung	02/04/2002	HQ8-GE11	V	V	V	V	v
388	050608200750	Trương Thành	Trung	20/02/2002	HQ8-GE15	4	3	2	4	3.5
389	030136200724	Đặng Quang	Trường	06/06/2002	HQ8-GE06	V	V	V	V	v
390	050608200751	Nguyễn Đỗ Khang	Trường	13/10/2002	HQ8-GE19	4	2.5	2.5	3.5	3.0
391	050608200183	Đinh Nguyễn Thanh	Tú	10/11/2002	HQ8-GE08	3.5	3.5	3.5	4	3.5
392	050608200626	Lê Đoàn Tuấn	Tú	14/11/2002	HQ8-GE20	4.5	6.5	6	6.5	6.0
393	050608200628	Phạm Minh	Tú	03/09/2002	HQ8-GE07	4	6	5.5	5	5.0
394	050608200629	Phương Anh	Tú	02/08/2002	HQ8-GE10	V	V	V	V	v
395	050608200630	Trần Thị Cẩm	Tú	21/03/2002	HQ8-GE09	4.5	5	3.5	5.5	4.5
396	030336200242	Nguyễn Thái	Tuấn	14/08/2002	HQ8-GE18	4.5	4	4	4.5	4.5
397	050608200637	Nguyễn Thị Cát	Tường	17/10/2002	HQ8-GE19	4.5	4.5	4.5	6	5.0
398	050608200186	Trần Quốc	Tuyền	13/10/2002	HQ8-GE13	5.5	4	3.5	4.5	4.5
399	050608200634	Nguyễn Ngọc Như	Tuyền	11/02/2002	HQ8-GE15	4.5	2.5	2.5	4	3.5
400	050608200187	Phạm Ánh	Tuyết	26/03/2002	HQ8-GE16	V	4	4	2.5	2.5
401	050608200188	Lê Huỳnh Phương	Uyên	24/04/2002	HQ8-GE16	V	V	V	V	v
402	050608200191	Trần Ngọc Thảo	Uyên	23/03/2002	HQ8-GE05	V	V	V	V	v
403	050608200192	Trần Tổ	Uyên	10/06/2002	HQ8-GE06	3	2	3	3.5	3.0
404	050608200193	Văn Mỹ	Uyên	07/05/2002	HQ8-GE05	V	V	V	V	v
405	050608200753	Hồ Ngọc Bảo	Uyên	26/11/2002	HQ8-GE01	5	4.5	4.5	4.5	4.5
406	050608200756	Trần Đình Khánh	Uyên	01/07/2002	HQ8-GE06	6	7	6.5	7.5	7.0
407	050608200194	Nguyễn Thị Kiều	Vân	19/08/2002	HQ8-GE18	1.5	6	6.5	7.5	5.5
408	050608200759	Chu Thị Cẩm	Vân	03/08/2002	HQ8-GE03	3.5	6	6	4.5	5.0
409	050608200760	Ngô Thùy	Vân	27/03/2002	HQ8-GE02	5	6	6	5.5	5.5
410	050608200761	Nguyễn Ngọc Thảo	Vân	11/11/2002	HQ8-GE20	V	6	6.5	5.5	4.5
411	050608200758	Nguyễn Võ Khắc	Vân	25/11/2002	HQ8-GE08	V	V	V	V	v
412	050608200196	Võ Tường	Vi	15/03/2002	HQ8-GE08	2	3.5	3.5	4	3.5
413	050608200764	Lê	Vi	15/03/2002	HQ8-GE09	4.5	3	4	6	4.5
414	050608200765	Nguyễn Hà Tường	Vi	11/05/2002	HQ8-GE01	V	V	V	V	v
415	050608200767	Nguyễn Thị Hoàng	Vi	15/05/2002	HQ8-GE12	V	V	V	V	v
416	050608200769	Phạm Quốc	Việt	07/01/2002	HQ8-GE04	V	V	V	V	v
417	030336200328	Bùi Ngọc Thảo	Vy	01/02/2002	HQ8-GE04	V	V	V	V	v
418	050608200198	Huỳnh Lê Yên	Vy	03/09/2002	HQ8-GE18	V	3.5	4.5	4	3.0
419	050608200199	Lê Thùy Diễm	Vy	11/11/2002	HQ8-GE08	5.5	5	5.5	5	5.5
420	050608200771	Đặng Thị Đặng	Vy	10/11/2002	HQ8-GE13	4.5	4.5	3.5	2.5	4.0
421	050608200774	Đỗ Ngọc Quỳnh	Vy	15/12/2002	HQ8-GE03	4.5	6.5	6	5	5.5
422	050608200775	Lâm Triệu	Vy	22/07/2002	HQ8-GE06	5	4	6	5.5	5.0
423	050608200779	Lê Uyên Khánh	Vy	19/05/2001	HQ8-GE04	V	V	V	V	v
424	050608200780	Ngô Thảo	Vy	09/09/2002	HQ8-GE10	4	3	4.5	3.5	4.0
425	050608200781	Nguyễn Lê Phương	Vy	22/08/2002	HQ8-GE03	V	3	4.5	2.5	2.5
426	050608200782	Nguyễn Minh	Vy	05/11/2002	HQ8-GE03	4.5	5.5	6	5	5.5
427	050608200784	Nguyễn Thanh	Vy	07/01/2002	HQ8-GE02	4	3.5	6	3.5	4.5
428	050608200785	Nguyễn Thị Xuân	Vy	01/10/2002	HQ8-GE18	4.5	6	6	5	5.5
429	050608200786	Phạm Thiên Kim	Vy	09/11/2002	HQ8-GE13	V	V	V	V	v
430	050608200787	Phan Thành Thúy	Vy	16/10/2002	HQ8-GE19	V	V	V	V	v
431	050608200788	Từ Thị Nhật	Vy	26/04/2002	HQ8-GE15	5	6.5	6.5	2.5	5.0
432	050608200789	Trần Phương	Vy	10/02/2002	HQ8-GE15	4.5	4.5	5.5	5	5.0
433	050608200791	Võ Ngọc Khánh	Vy	06/12/2002	HQ8-GE03	V	V	V	V	v
434	050608200814	Tăng Thúy	Vy	10/05/2002	HQ8-GE12	4	3.5	4	2	3.5
435	050608200201	Nguyễn Thanh	Xuân	13/02/2002	HQ8-GE04	5	3.5	4.5	3	4.0
436	050608200202	Trần Thanh	Xuân	17/08/2002	HQ8-GE03	4	2.5	4	4.5	4.0
437	050608200793	Lê Trần Diễm	Xuân	15/11/2002	HQ8-GE10	V	V	V	V	v
438	050608200218	Võ Thị Mỹ	Xuyên	26/02/2001	HQ8-GE11	V	V	V	V	v
439	050608200203	Võ Thị Như	Ý	10/06/2002	HQ8-GE18	2.5	4.5	6	4.5	4.5
440	050608200794	Huỳnh Lê Như	Ý	04/12/2002	HQ8-GE08	3.5	4	6	5	4.5
441	050608200795	Phạm Như	Ý	22/09/2002	HQ8-GE10	V	V	V	V	v

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	NÓI	NGHE	ĐỌC	VIẾT	TỔNG (quy đổi theo IELTS)
442	050608200796	Trần Như	Ỡ	27/07/2002	HQ8-GE10	4	5	6	4.5	5.0
443	050608200797	Vòng Chen	Yao	23/06/2002	HQ8-GE18	4	5	6	4	5.0
444	030436200235	Phan Thị Hải	Ỡ	05/10/2002	HQ8-GE20	4.5	4	5	5	4.5
445	050608200204	Lê Hoàng	Ỡ	15/05/2001	HQ8-GE14	V	V	V	V	v
446	050608200799	Lê Hoàng	Ỡ	11/04/2002	HQ8-GE05	4.5	4	4.5	4	4.5
447	050608200801	Nguyễn Ngọc Hải	Ỡ	05/12/2002	HQ8-GE13	3.5	6	6	5	5.0
448	050608200803	Nguyễn Thị Hải	Ỡ	04/12/2002	HQ8-GE03	4	5	4.5	4	4.5
449	050608200804	Nguyễn Thị Hoàng	Ỡ	23/09/2002	HQ8-GE13	4.5	5.5	5.5	3.5	5.0
450	050608200808	Phạm Ngọc Hồng	Ỡ	14/01/2002	HQ8-GE11	4	5.5	6	4.5	5.0

Dự thi: 333 sinh viên

Vắng thi: 117 sinh viên